TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA- TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Điều và ông Lê Thanh Khảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: 349 T, khu phố H 3, phường 9, thành phố H, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Đình Q, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn S, xã N, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, được Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố H, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xích mích. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau, không còn ai quan tâm đến ai. Tình cảm vợ chồng hiện nay không còn

nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống và nuôi con.

- Về con chung: Có hai con chung Phạm Thành Đ, sinh ngày 19/12/2014 và Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 26/11/2019. Yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Đình Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu ý kiến*:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T được ly hôn với anh Q.

+ Về con chung: Giao hai con chung Phạm Thành Đ, sinh ngày 19/12/2014 và Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 26/11/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp về ly hôn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn S, xã N, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2014, được Uỷ ban nhân dân phường 9, thành phố H, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014 ngày 13/01/2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau, không còn ai quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung Phạm Thành Đ, sinh ngày 19/12/2014 và Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 26/11/2019. Hiện nay các cháu đều đang sinh sống, học tập ổn định cùng với chị T. Các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và chị T cũng có nguyện vọng được nuôi hai con. Do đó, cần giao con chung Phạm Thành Đ và Phạm Hoàng Đ cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thanh T không yêu cầu nên không xét.

[2.4] Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Đình Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung Phạm Thành Đ, sinh ngày 19/12/2014 và Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 26/11/2019 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người nuôi con chung

3. Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001982 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thành Hưng

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- VKSND TX. Đông Hòa;
- UBND Phường 9, TP Tuy Hòa;
(CNKH số 05/2014);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.